

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LỢI TỨC CAO HD

GIẢI THÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài Chính)

Quý III năm 2026

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. Thông tin chung về Quỹ

1. Mục tiêu của Quỹ:

Phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ do UBCKNN cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ:

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ là -1,25% so với NAV của quỹ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026; thay đổi giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị chứng chỉ Quỹ so với giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị chứng chỉ Quỹ tại đầu kỳ báo cáo là -0,89%.

3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ:

Mang lại lợi nhuận cao và ổn định từ vốn đầu tư gia tăng giá trị, lợi tức trái phiếu và các công cụ gia tăng giá trị khác.

Quỹ HDBOND đầu tư tập trung vào các tài sản có thu nhập cố định như Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết, chứng chỉ tiền gửi có lợi suất cao nhằm tối đa hóa lợi nhuận trong dài hạn. Quản lý chủ động, hướng tới mục tiêu gia tăng tài sản ổn định cho khách hàng.

4. Phân loại Quỹ: Quỹ công chúng dạng mở

5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ: Không có

6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao): Thấp

7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ: Ngày 30/12/2022

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo tại ngày 30/09/2026:

- Tổng giá trị tài sản ròng: 53.897.047.684 đồng.
- Số lượng chứng chỉ quỹ: 4.436.507,60 chứng chỉ quỹ.

9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ: Không có chỉ số tham chiếu.

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ: Quỹ phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện quỹ (nếu Đại hội Nhà đầu tư ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định), phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ: không có

II. Số liệu hoạt động

1. Cơ cấu tài sản quỹ:

Cơ cấu tài sản quỹ	30/09/2026 (*) (%)	30/09/2025 (%)	30/09/2024 (%)
1.Hợp đồng tiền gửi/ Chứng chỉ tiền gửi	-	-	17,67
2. Trái phiếu	74,92	73,10	62,27
3.Cổ phiếu	11,93	13,79	16,85
4. Tiền & tương đương tiền	13,14	13,11	3,21
5.Tài sản khác	-		
Cộng	100	100	100

(*) Ghi chú:

- Từ 30/09/2026, các tài sản trên được trình bày lại và các giá trị đã bao gồm lãi lũy kế dự thu.

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động:

Chỉ tiêu	30/09/2026	30/09/2025	30/09/2024
2.1.Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	53.897.047.684	53.293.610.873	61.432.445.174
2.2.Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (CCQ)	4.436.507,60	4.435.619,60	5.389.599,66
2.3.Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (VND)	12.148,53	12.014,92	11.398,33
2.4.Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	12.386,49	12.322,90	11.400,68
2.5.Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	11.940,49	11.572,90	11.177,88
2.6.Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo	N/A	N/A	N/A

Chỉ tiêu	30/09/2026	30/09/2025	30/09/2024
2.7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	N/A	N/A	N/A
2.8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	N/A	N/A	N/A
2.9. Tổng tăng trưởng (%) / 1 đơn vị CCQ	-0,89	3,77	1,25
2.9.1. Tăng trưởng vốn (%) / 1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	-2,32	-5,38	-0,63
2.9.2. Tăng trưởng thu nhập (%) / 1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	1,43	9,16	1,88
2.10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	N/A	N/A	N/A
2.11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	N/A	N/A	N/A
2.12. Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution)	N/A	N/A	N/A
2.13. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	2,48	2,65	2,51
2.14. Tốc độ vòng quay danh mục (%)	36,26	70,58	51,58

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ:

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)
- 1 năm	1,11	1,11
- 3 năm	13,40	4,28
- Từ khi thành lập	21,49	5,32
- Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu	Không có chỉ số tham chiếu	Không có chỉ số tham chiếu

4. Tăng trưởng hàng năm:

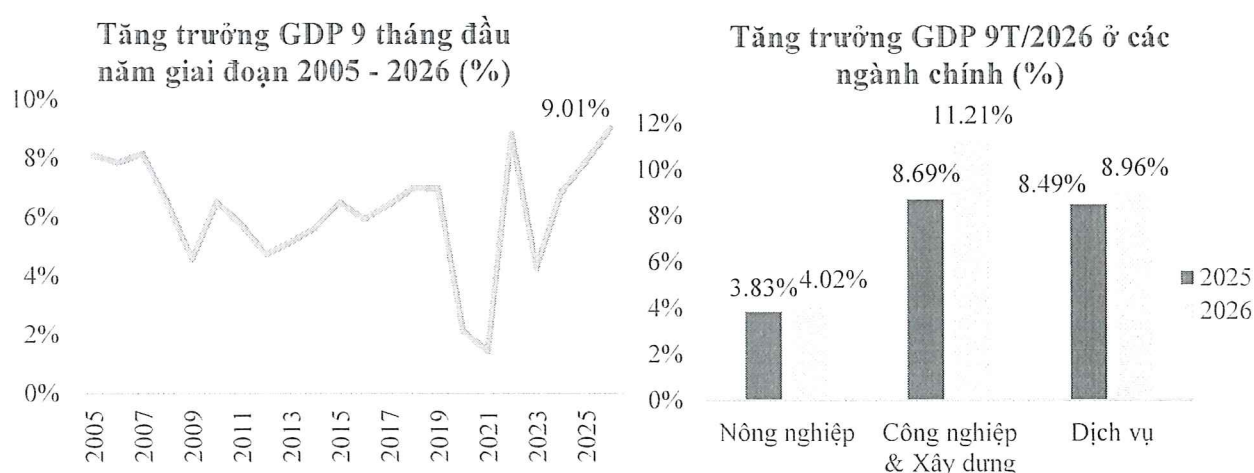
Thời kỳ	30/09/2026	30/09/2025	30/09/2024
Tỷ lệ tăng trưởng (%) / 01 đơn vị CCQ	1,11	5,41	6,40

III. Mô tả thị trường trong kỳ:

❖ Kinh tế vĩ mô :

9 Tháng đầu năm 2026, GDP của Việt Nam đạt mức tăng trưởng 9.01%, đây là mức tăng trưởng 9 tháng đầu năm cao nhất từ trước tới nay. Tăng trưởng GDP quý 3/2026 ghi nhận 9,95%, cao hơn 1,70 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước, đưa mức tăng trưởng GDP 9 tháng

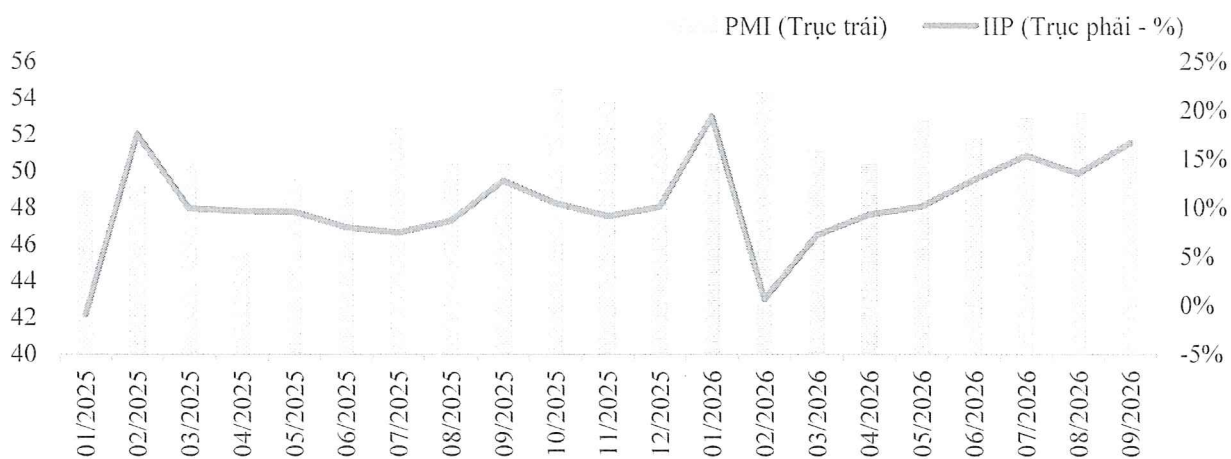
đầu năm 2026 lên tới 9,01%. Động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ sự khởi sắc của lĩnh vực công nghiệp & xây dựng (tăng 11,21% trong 9T.2026) và sự ổn định của lĩnh vực dịch vụ (tăng 8,96% trong 9T.2026) và lĩnh vực nông nghiệp (tăng 4,02% trong 9T.2026). Để đạt được mục tiêu tăng trưởng 10% trong năm 2026, đồng nghĩa với việc tăng trưởng GDP quý 4/2026 phải đạt ít nhất 12,5%. Trong bối cảnh lạm phát tăng và lãi suất vẫn duy trì ở mức cao, để đạt được mục tiêu tăng trưởng 12,5% đòi hỏi một sự cố gắng rất lớn, buộc các nhà điều hành phải thúc đẩy kinh tế thông qua các dự án đầu tư công và mở rộng tăng trưởng tín dụng.



Nguồn: Finpro

Lĩnh vực sản xuất luôn duy trì trạng thái tích cực kể từ tháng 07/2025 đến nay. Sau thời gian tăng trưởng chậm lại ở những tháng đầu năm 2025, lĩnh vực sản xuất của Việt Nam bắt đầu bứt tốc và luôn duy trì được trạng thái mở rộng kể từ tháng 07/2025 đến nay, chỉ số PMI luôn cao hơn ngưỡng 50 điểm và chỉ số IIP luôn duy trì ở mức cao. Đặc biệt, chỉ số IIP luôn giữ được mức tăng trưởng 2 chữ số và tăng dần kể từ tháng 05/2026 đến nay. Tại thời điểm tháng 9/2026, IIP ghi nhận mức tăng trưởng tới 17%, đây là mức cao nhất kể từ tháng 02/2026 đến nay. Ở những tháng cuối năm 2026, lĩnh vực sản xuất của Việt Nam được kỳ vọng tiếp tục khởi sắc, được thúc đẩy bởi các yếu tố như: (1) Tiêu thụ ở cả thị trường trong nước và xuất khẩu thường tăng cao ở những tháng cuối năm và cận tết, (2) Các nhà điều hành sẽ thúc đẩy các dự án đầu tư công và duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng để tiến tới mục tiêu tăng trưởng 10% trong năm 2026.

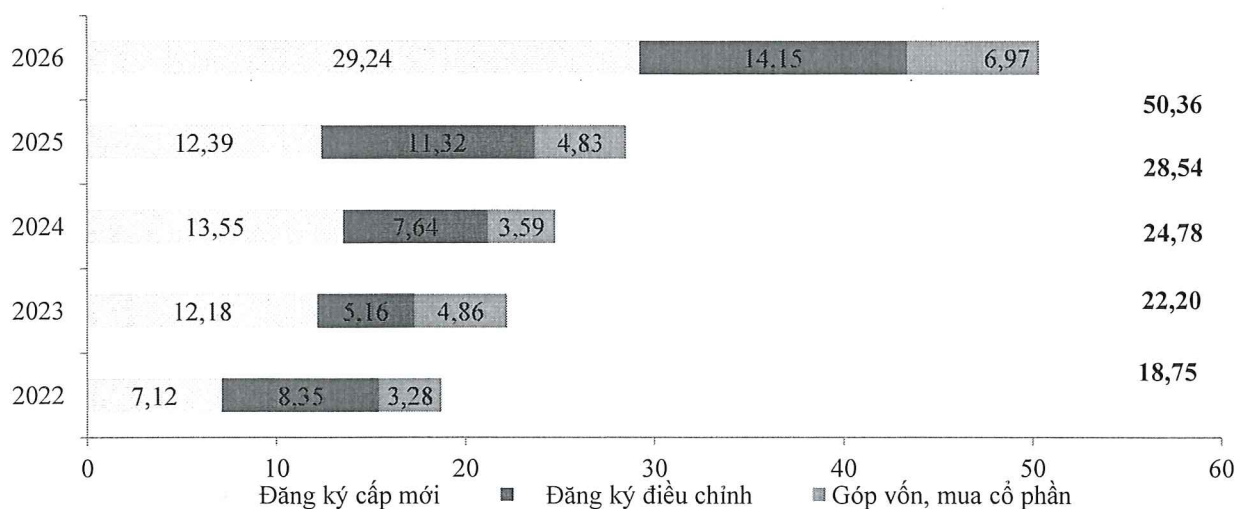
PMI (Trục Trái) và IIP (Trục Phải - %)



Nguồn: Finpro

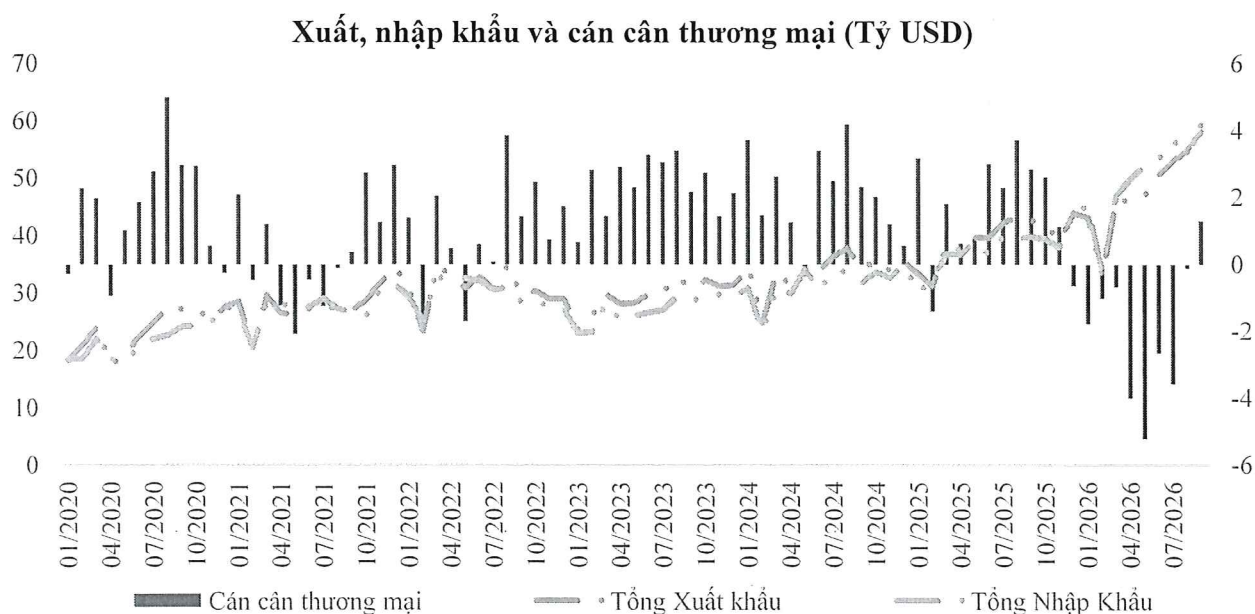
Việt Nam tiếp tục là điểm đến lý tưởng của dòng vốn FDI trong những tháng đầu năm 2026, FDI đăng ký 9 tháng đầu năm vượt mốc 50 tỷ USD, tăng 76,4% so với cùng kỳ. Trong đó, FDI đăng ký mới ghi nhận 29,24 tỷ USD, tăng 136%yoy; đăng ký điều chỉnh khoảng 14,15 tỷ USD, tăng 25%yoy và góp vốn cổ phần là 6,97 tỷ USD, tăng 44,3%yoy. Điểm khác biệt so với những năm trước là dòng vốn FDI đang phân bổ đồng đều hơn giữa các nhóm ngành, cụ thể chế biến chế tạo chiếm 45,8% vốn FDI đăng ký mới; vận tải, kho bãi chiếm 17,6% vốn FDI đăng ký mới và các ngành khác chiếm khoảng 36,6% FDI đăng ký mới. Trong 9 tháng đầu năm 2026, Việt Nam đón dòng vốn FDI chủ yếu từ các quốc gia Singapore, Hàn Quốc, Luxembourg, HongKong, Trung Quốc và Nhật Bản. . Bên cạnh đó, giải ngân vốn FDI cũng được thực hiện rất tốt, chạm mốc kỷ lục 21,07 tỷ USD trong 3 quý đầu năm 2026. Bức tranh trên cho thấy, FDI đang đóng góp vai trò rất lớn tới tăng trưởng GDP trong 9 tháng vừa qua. Bên cạnh đó, tăng trưởng ấn tượng cũng là điểm nhấn quan trọng giúp thu hút được dòng vốn FDI.

FDI đăng ký vào Việt Nam 9 tháng đầu năm, giai đoạn 2022 - 2026 (Tỷ USD)



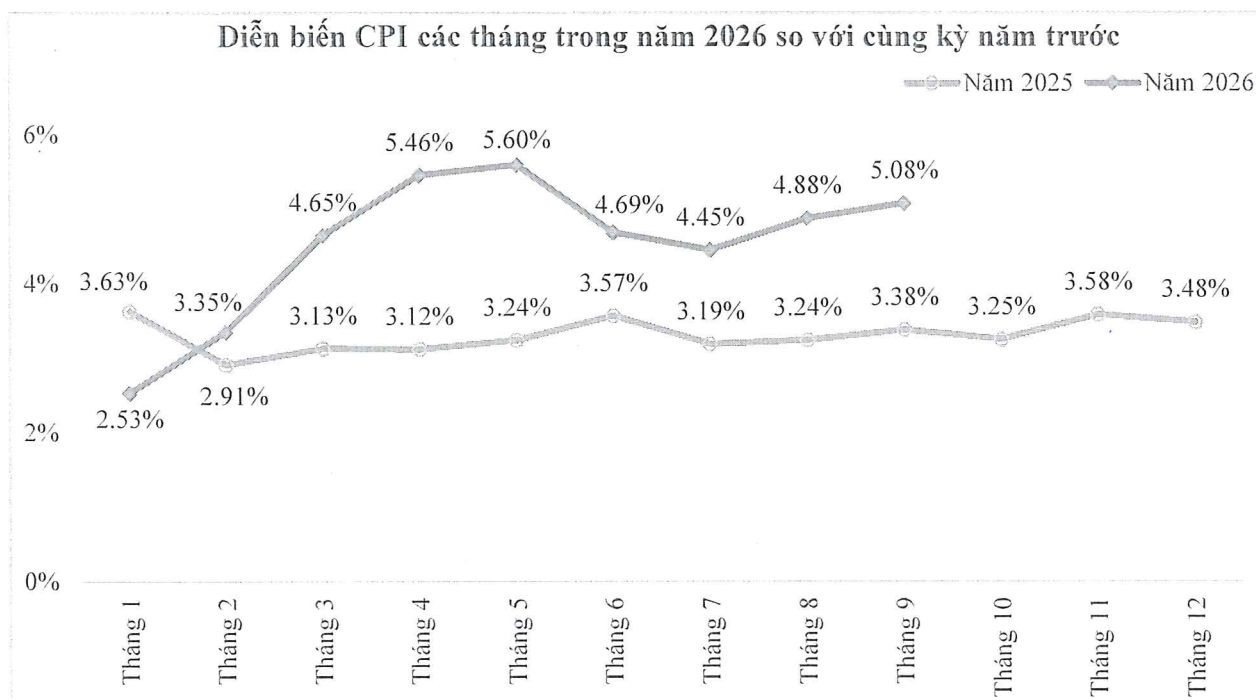
Nguồn: Finpro

Việt Nam đã xuất siêu trở lại sau 9 tháng ghi nhận trạng thái nhập siêu. 9 tháng đầu năm 2026, tổng kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu của Việt Nam lần lượt đạt 434,30 tỷ USD, tăng 24,5%yoy và 453,72 tỷ USD, tăng 36,7%yoy. Cán cân thương mại 9T.2026 nhập siêu 19,42 tỷ USD. Điểm tích cực là cán cân thương mại tháng 9 của Việt nam đã xuất siêu trở lại sau 9 tháng liên tiếp nhập siêu, với mức xuất siêu 1,27 tỷ USD. Hiện tượng xuất siêu trong tháng 9 chủ yếu là do sự tăng trưởng đột biến kim ngạch xuất khẩu của nhóm sản phẩm máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện. Kim ngạch xuất khẩu của nhóm sản phẩm này ghi nhận 22,56 tỷ USD, tăng 113%yoy và tăng gần 12 tỷ USD so với cùng kỳ và 6,7 tỷ so với tháng 8/2026. Nhóm sản phẩm này đóng góp gần 40% tổng kim ngạch xuất khẩu tháng 9/2026 và gần 50% tổng kim ngạch nhập khẩu tháng 9/2026 của Việt Nam. Điều này cho thấy, mức độ ổn định của cán cân thương mại trong những tháng tới phụ thuộc khá nhiều vào kim ngạch xuất nhập khẩu của nhóm sản phẩm này. Rất khó để kết luận ngay rằng, cán cân thương mại của Việt Nam sẽ trở về trạng thái xuất siêu cho cả năm 2026, nhưng Việt nam sẽ giữ được trạng thái xuất siêu ở từng tháng trong giai đoạn từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2026 do các doanh nghiệp FDI tăng tốc xuất khẩu các sản phẩm điện tử sau thời gian dài (từ tháng 04/2026 đến tháng 07/2026) miệt mài nhập khẩu linh kiện để phục vụ sản xuất.



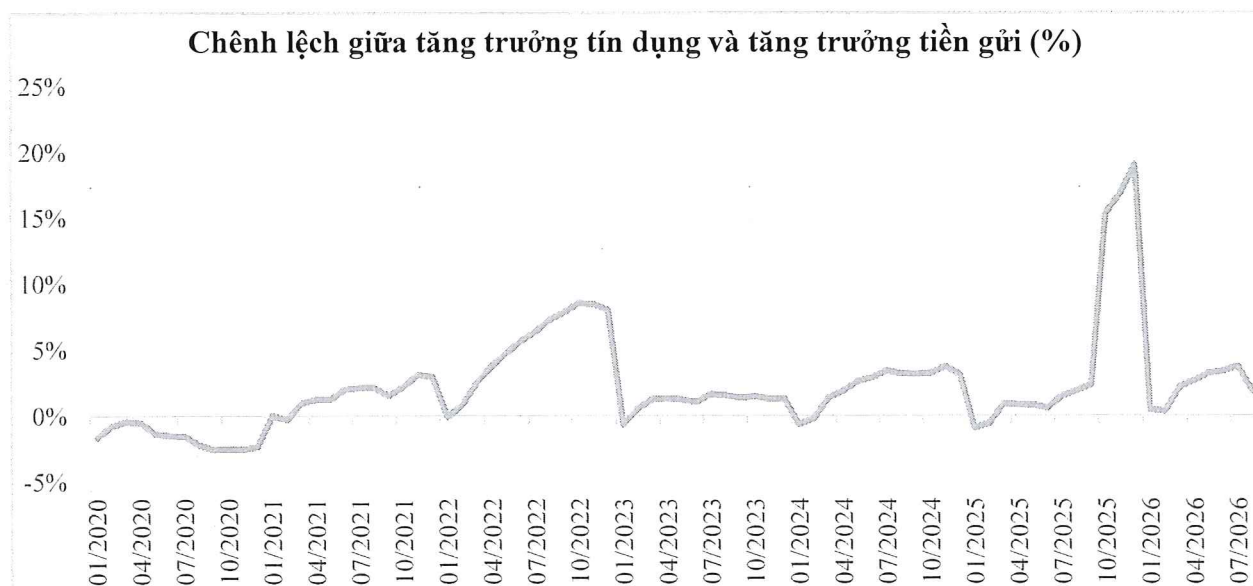
Nguồn: Finpro

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân 9 tháng năm 2026 tăng 4,52% so với cùng kỳ năm trước, vượt qua mục tiêu kiểm soát cả năm là 4,5% quốc hội thông qua.



Nguồn: Finpro

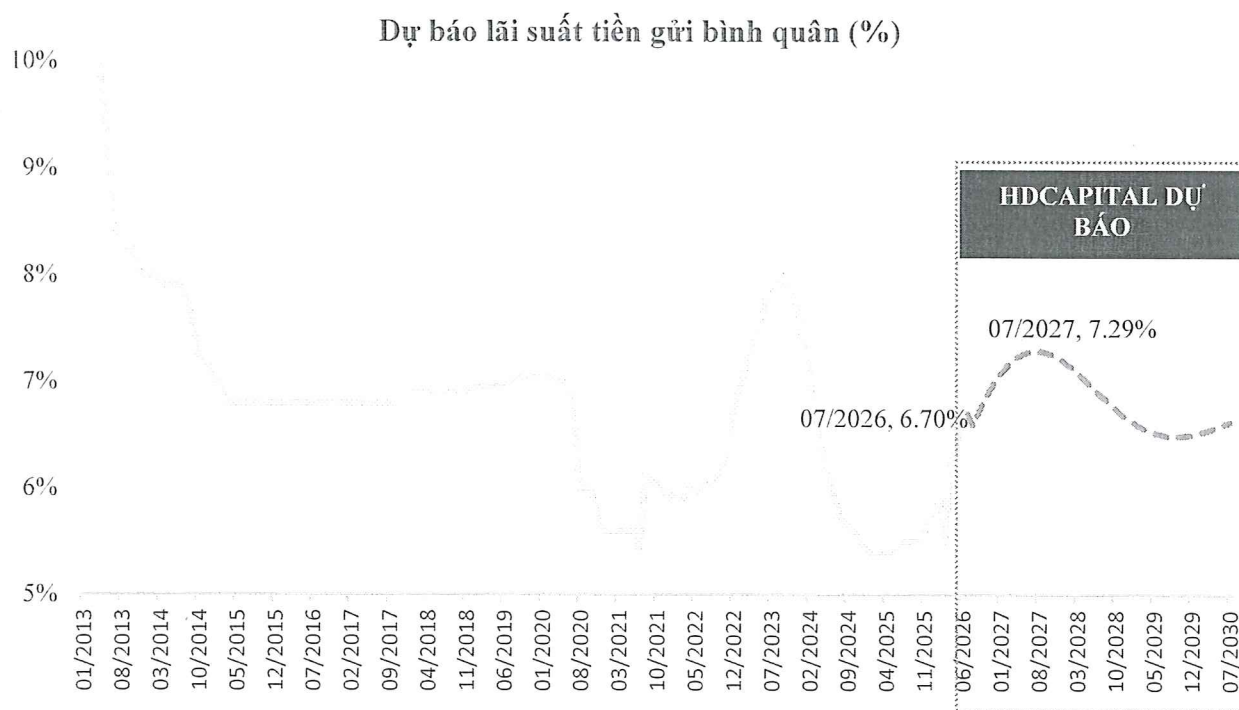
Chênh lệch giữa tăng trưởng tín dụng và tăng trưởng tiền gửi đang thu hẹp dần, giảm bớt áp lực vốn cho hệ thống ngân hàng. Mặt bằng lãi suất tăng cao đã thúc đẩy người dân gửi tiền vào hệ thống ngân hàng, kéo tăng trưởng tiền gửi tại thời điểm cuối tháng 8/2026 lên tới 8,33%. Kết quả, chênh lệch giữa tăng trưởng tín dụng và tăng trưởng tiền gửi giảm xuống còn 1,86% tại thời điểm cuối tháng 8/2026 từ mức 3,77% tại thời điểm cuối tháng 07/2026. Kết quả này sẽ giảm bớt căng thẳng về vốn cho hệ thống ngân hàng và hạ nhiệt dần mặt bằng lãi suất trong thời gian tới.



Nguồn: Finpro

Mặt bằng lãi suất quay về xu hướng giảm trước tháng 9/2027. Mặt bằng lãi suất tiền gửi bắt đầu tăng trên diện rộng kể từ tháng 03 năm 2026 do chênh lệch về tăng trưởng tiền gửi và tăng trưởng

cho vay ngày càng lớn và kỳ vọng Fed cắt giảm lãi suất ngày càng giảm dần. Đặc biệt, sau quyết định của Fed - tăng lãi suất 0,25% trong kỳ họp tháng 9/2026, áp lực nguồn vốn đã buộc các ngân hàng phải tăng lãi suất tiền gửi. Lãi suất tiền gửi bình quân tháng 07/2026 là 6.70%. Nếu tình hình vĩ mô vẫn duy trì như trạng thái hiện tại, thì lãi suất tiền gửi được dự báo sẽ tiếp tục duy trì bằng hoặc tăng nhẹ so với mức hiện tại và ghi nhận mức cao nhất tại thời điểm tháng 07/2027 và tháng 08/2027 là 7.29% và bắt đầu xu hướng giảm dần kể từ tháng 09/2027¹. Tuy nhiên, nếu điều kiện vĩ mô được cải thiện, lãi suất tiền gửi có thể bắt đầu xu hướng giảm sớm hơn, kỳ vọng là từ Quý 2/2027, sau thời điểm tết nguyên đán 2027.



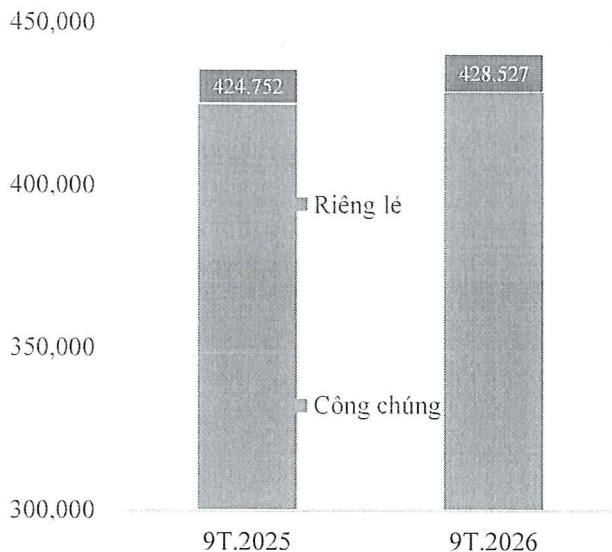
Nguồn: HDCapital ước tính bằng mô hình LSTG

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp

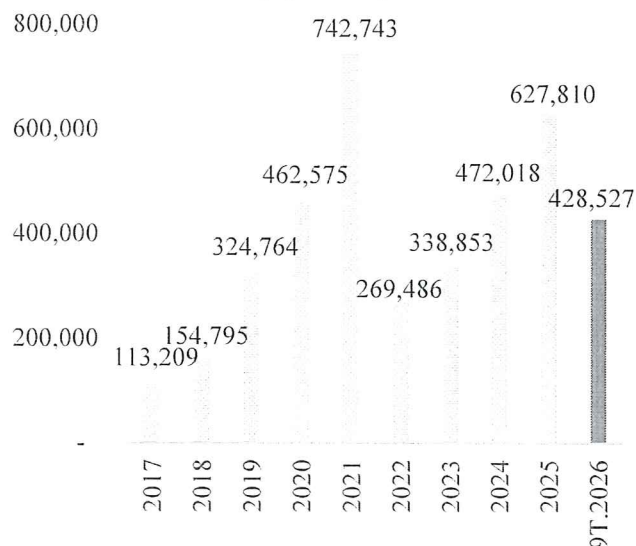
Giá trị phát hành trái phiếu doanh nghiệp tăng nhẹ trong 9 tháng đầu năm 2026. Trong 9 tháng đầu năm 2026, tổng giá trị phát hành trái phiếu doanh nghiệp đạt 428.527 tỷ đồng, tăng 0,9%yoy. Trong đó 370.572 tỷ đồng được phát hành riêng lẻ, giảm 1,6% yoy và 57.955 tỷ đồng được phát hành ra công chúng, tăng 20,0% yoy.

¹ Mô hình được dự báo dựa trên: Mô hình LSTG với biến phụ thuộc là lãi suất tiền gửi bình quân và 15 biến độc lập, phần mềm sử dụng Python, Phương pháp sử dụng: Machine Learning (XAI).

**Giá trị phát hành trái phiếu doanh nghiệp
(Tỷ VND)**



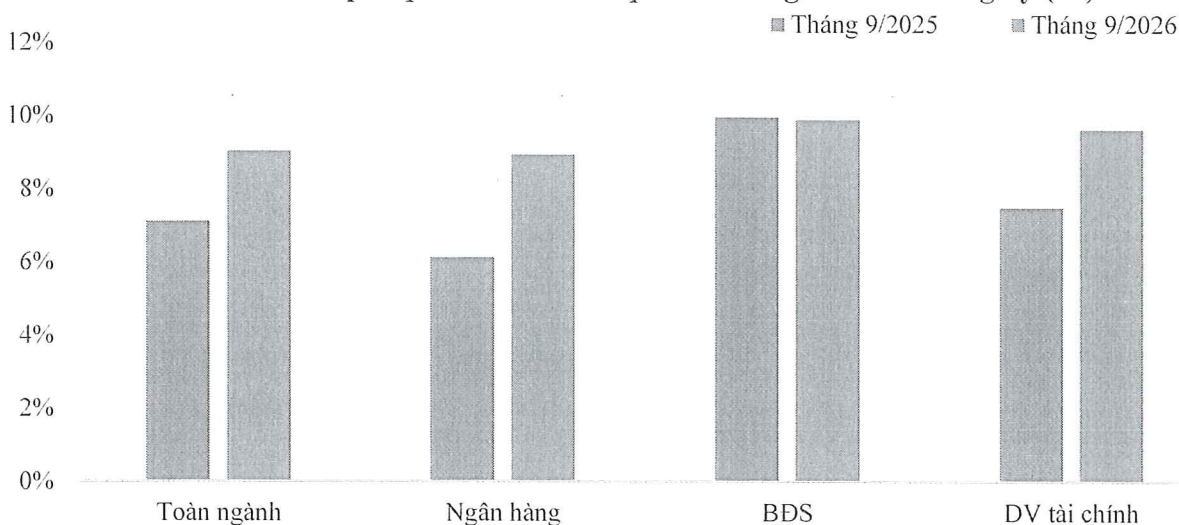
**Giá trị phát hành trái phiếu doanh nghiệp
(Tỷ VND)**



Nguồn: Finpro

Trong bối cảnh nền kinh tế tăng trưởng cao, các doanh nghiệp cần lượng vốn lớn hơn để mở rộng sản xuất và thúc đẩy sự phát triển của thị trường trái phiếu. Tuy nhiên, kết quả cho thấy, thị trường trái phiếu doanh nghiệp khá trầm lắng trong 9 tháng đầu năm 2026, gần như không thay đổi so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu là do mặt bằng lãi suất tiền gửi tăng cao, làm tăng chi phí phát hành của các doanh nghiệp, cản trở động lực phát hành của các doanh nghiệp, đặc biệt là nhóm ngân hàng và dịch vụ tài chính. Thay vì phát hành trái phiếu với mức chi phí phát hành cao, các ngân hàng chuyển hướng qua kênh phát hành chứng chỉ tiền gửi kỳ hạn dài để thu hút nguồn vốn từ các nhà đầu tư cá nhân. Bên cạnh đó, sự ra đời của Nghị định 200/2026/NĐ-CP (ban hành ngày 05/6/2026), yêu cầu cao hơn đối với hồ sơ, năng lực tài chính và trách nhiệm của doanh nghiệp phát hành cũng tạm thời làm chậm lại hoạt động phát hành riêng lẻ của các tổ chức phát hành.

So sánh Coupon phát hành bình quân 9 tháng 2026 với cùng kỳ (%)



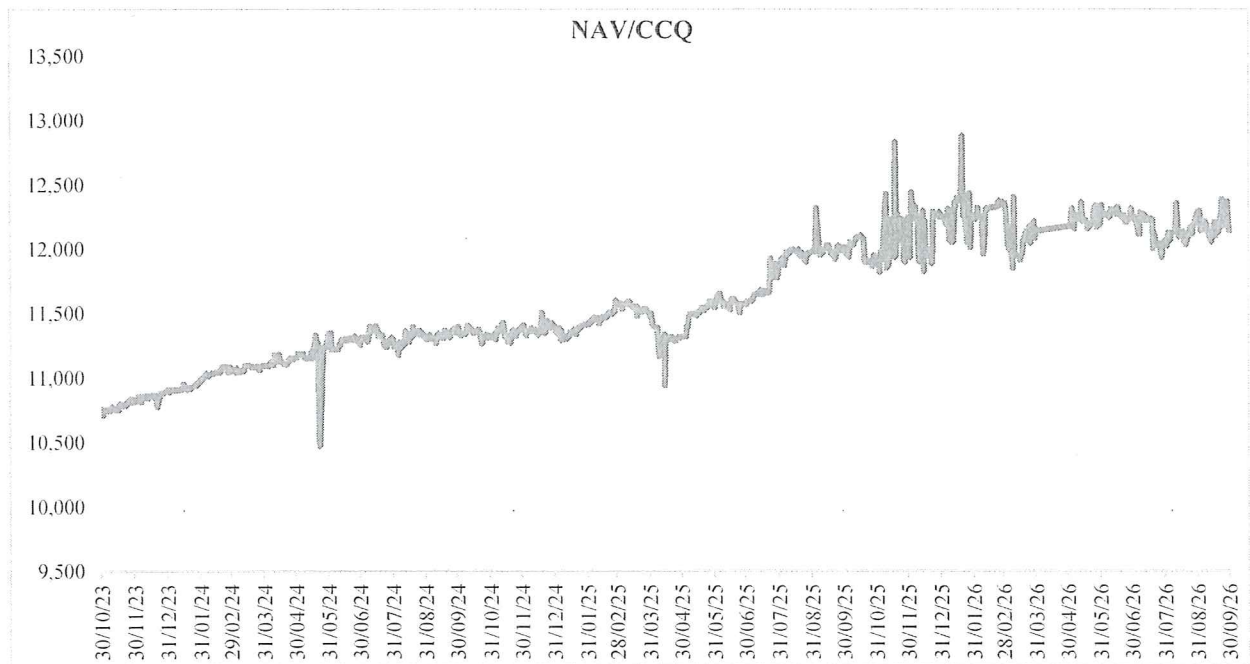
Nguồn: Finpro

IV. Chi tiết các chỉ tiêu hoạt động của quỹ:

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
A	1	2	3
Tăng trưởng thu nhập (%) / 1 đơn vị CCQ	7,32	24,08	32,82
Tăng trưởng Vốn (%) / 1 đơn vị CCQ	-6,21	-10,67	-11,34
Tổng tăng trưởng (%) / 1 đơn vị CCQ	1,11	13,40	21,49
Tăng trưởng hàng năm (%) / 1 đơn vị CCQ	1,11	4,28	5,32
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	N/A	N/A	N/A
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ	N/A	N/A	N/A

- Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ từ khi thành lập đến Q3/2026:



- Thay đổi giá trị tài sản ròng.

Chỉ tiêu	30/09/2026 (VND)	30/09/2025 (VND)	Tỷ lệ thay đổi (%)
A	1	1	3=((1)-(2))/(2)
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	53.897.047.684	53.293.610.873	1,13
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	12.148,53	12.014,92	1,11

NAV của quỹ tại ngày 30/09/2026 tăng 1,13% so với tại ngày 30/09/2025 do một phần đến từ lợi nhuận trong hoạt động đầu tư của quỹ và một phần đến từ nhà đầu tư góp vốn thêm.

2. Thông kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm 30/09/2026:

Quy mô nắm giữ (Đơn vị)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
A	1	2	3
Dưới 5000	2.010	303.991,25	6,85
Từ 5000 đến dưới 10.000	1	6.122,51	0,14
Từ 10.000 đến dưới 50.000	1	16.393,84	0,37
Từ 50.000 đến 500.000	-	-	-
Trên 500.000	2	4.110.000	92,64
Tổng cộng	2.014	4.436.507,60	100

3. Chi phí ngấm và giảm giá: Không có

V. Thông tin về triển vọng thị trường:

Hoạt động phát hành trái phiếu ở thị trường sơ cấp được dự báo sẽ ổn định và không có nhiều biến động trong quý IV/2026, được tác động cộng hưởng bởi các yếu tố cơ hội và thách thức như sau:

Thứ nhất: Để đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế 10%, nhiều biện pháp và công cụ sẽ được thúc đẩy. Trong đó, vốn cho các doanh nghiệp cũng là yếu tố rất quan trọng. Mặt khác, trong bối cảnh nền kinh tế tăng trưởng cao, các doanh nghiệp cũng phải thu hút nguồn vốn để mở rộng sản xuất và phát hành trái phiếu là một kênh đang khá phổ biến đang được khá nhiều doanh nghiệp sử dụng. Đây là yếu tố tích cực, thúc đẩy các doanh nghiệp tăng cường phát hành ở thị trường sơ cấp trong thời gian tới.

Thứ hai: Theo ước tính của Hiệp hội Thị trường Trái phiếu Việt Nam (VBMA), tổng giá trị phát hành trái phiếu dự kiến đảo hạn trong quý 4/2026 lên tới trên 70 nghìn tỷ đồng, buộc các doanh nghiệp phải tìm nguồn lực chi trả qua nhiều kênh, bao gồm kênh phát hành trái phiếu.

Thứ ba: Các luật và quy định về trái phiếu đã được ban hành và đưa vào áp dụng một thời gian, các doanh nghiệp đã có thời gian chuẩn bị và làm quen nên sẽ rút ngắn được thời gian chuẩn bị các thủ tục để phát hành.

Thứ tư: Trong môi trường lạm phát và lãi suất cao đang làm tăng chi phí của các doanh nghiệp phát hành. Vì vậy, các doanh nghiệp sẽ chậm lại và cẩn trọng hơn trong việc phát hành trái phiếu.

Thứ năm: Chi phí hoạt động tăng làm suy yếu môi trường tín nhiệm đối với các ngân hàng và doanh nghiệp Việt nam, cũng làm ảnh hưởng tới hoạt động phát hành trái phiếu doanh nghiệp trong quý tới.

Thứ sáu: Khung pháp lý về trái phiếu doanh nghiệp tại Việt nam hiện đang áp dụng mốc quan trọng mới nhất là Nghị định số 200/2026/NĐ-CP (ban hành ngày 05/6/2026), thay thế các nghị định trước đây như Nghị định 153/2020, 65/2022 và 08/2023. Nghị định quy định chặt chẽ hơn về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ cũng là yếu tố cản trở các doanh nghiệp có tình hình tài chính yếu tiếp cận kênh phát hành trái phiếu.

VI. Thông tin khác:

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban đại diện quỹ, và Ban điều hành Công ty quản lý Quỹ:

	Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
Nhân sự điều hành Quỹ	Dương Công Ái	Chuyên viên Phân tích đầu tư	- Cử nhân Quản trị Kinh Doanh, Cử nhân Tài chính; - Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ	- Từ 06/2008 đến 11/2014: CTCP Chứng khoán Phú Gia; - Từ 01/2015 đến 08/2018: CTCP Quản lý quỹ Đầu tư chứng khoán Liên Minh Việt Nam; - Từ 09/2018 đến 03/2020: CTCP Chứng khoán HD; - Từ 04/2020 đến nay: CTCP quản lý quỹ HD.
	Lê Thanh Hòa	Chuyên viên Phân tích đầu tư	- Cử nhân Chương trình Điện tử Viễn thông tại Học viện Công Nghệ Bưu Chính Viễn Thông; - Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ; - Chứng chỉ CFA	- Từ 05/2017 – 05/2018: Chuyên viên phân tích. CTCP Chứng khoán Bảo Việt; - Từ 06/2018 – 02/2024: Trưởng nhóm phân tích và quản lý danh mục. CTCP Chứng khoán Bảo Việt; - Từ 03/2024 – 01/2025: Trưởng phòng quản lý danh mục. Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư SGI; - Từ 04/2025 – nay: Chuyên viên phân tích đầu tư. Công ty Cổ phần Quản lý quỹ HD.
Ban đại diện Quỹ	Phạm Tiến Thành	Chủ tịch	Tiến sĩ Quản trị Kinh doanh; Chuyên gia trong lĩnh vực quản lý tài sản	- Từ 07/1995 đến 12/2003: Credit Lyonnais Việt Nam; - Từ 01/2004 đến 12/2013: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Vietinbank); - Từ tháng 01/2021 đến nay: CTCP Tập đoàn Sovico.

	Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
	Nguyễn Thành Long	Thành viên không độc lập	- Thạc sĩ Quản trị Kinh Doanh; - Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ.	- Từ 11/2017 đến 01/2020: CTCP Chứng khoán Eurocapital; - Từ 02/2020 đến 10/2021: CTCP Chứng khoán HD; - Từ 12/2021 đến nay: CTCP Quản lý quỹ HD
	Lê Hoàng Phú	Thành viên độc lập	- Thạc sĩ Kinh tế, Tài chính	- Từ tháng 6/2010 – 09/2010: Ngân hàng Sacombank; - Từ 09/2010 – 03/2013: Ngân hàng ACB; - Từ 02/2014 – hiện tại: Ngân hàng HDBank
	Trương Hữu Ngữ	Thành viên độc lập	Luật sư, Thạc sĩ luật.	- Từ 07/2008 – 07/2011: Công ty luật Logos Attorneys at Law; - Từ 08/2011 – 06/2019: Công ty luật Nishimura & Asahi, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam; - Từ 09/2019 - 04/2020: Đại học Pennsylvania, Philadelphia, Hoa Kỳ; - Từ 06/2022 – 12/2022: Công ty luật Nishimura & Asahi, Tokyo, Japan; - Từ 02/2023 - 02/2024: Công ty luật Indochine Counsel; - Từ 02/2024 đến nay: Công ty luật Vilasia
	Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên độc lập	Cử nhân Kế toán doanh nghiệp.	- Từ 01/2005 – 12/2008: Công ty CK SEABS; - Từ 12/2008 – 12/2012: Ngân hàng Liên Việt Post Bank; - Từ 12/2012 – 01/2023: Ngân hàng Vietinbank; - Từ 02/2023 – Hiện tại: Công ty CP Thẩm định giá TC Value; - Từ 06/2023 – Hiện tại: Công ty CP Mua bán nợ và Quản lý tài sản HDBank.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD



NGUYỄN THÀNH LONG
TỔNG GIÁM ĐỐC

